

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2022/DS-PT
Ngày: 03-8-2022
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 179/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn La Hồng Đ, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Đường N, Khu phố M, Phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Chí T1, sinh năm 1983 (theo Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2022) (có mặt);

Địa chỉ: Đường M, Khu phố B, phường H, thành phố T, TP. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thụy Thanh T, sinh năm 1974 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, Phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Trần Thụy Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn chị Nguyễn La Hồng Đ ủy quyền cho anh Nguyễn Chí T1 trình bày:*

Do chỗ bạn bè nên vào ngày 05/9/2017 chị Nguyễn La Hồng Đ có cho chị Trần Thụy Thanh T mượn số tiền 420.000.000 đồng, việc này có làm biên nhận do chị T viết. Khi mượn tiền chị Trần Thụy Thanh T có hứa: “*Khi nào ngân hàng giải ngân lần 2, tôi sẽ hoàn trả số tiền trên và đồng thời trong thời gian xe tôi đang hoạt động chạy, có bao nhiêu tôi sẽ trả vào đây để khấu trừ vào số nợ gốc này.*” và có đưa cho chị Nguyễn La Hồng Đ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa CI 552999, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS09645 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 26/7/2017 cho hộ bà Trần Thụy Thanh T để làm tin.

Sau đó chị Trần Thụy Thanh T đến gặp chị Nguyễn La Hồng Đ xin được nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục chuyển nhượng đất trả nợ cho chị Nguyễn La Hồng Đ nhưng sau khi chuyển nhượng được đất chị Trần Thụy Thanh T lại không trả tiền cho chị Nguyễn La Hồng Đ như đã hứa.

Từ khi mượn tiền, chị Trần Thụy Thanh T có trả được cho chị Nguyễn La Hồng Đ 21 lần tiền với tổng số tiền là 182.000.000 đồng. Trong tổng số tiền 182.000.000 đồng thì có 147.900.000 đồng chị Trần Thụy Thanh T dùng để trả số tiền lãi còn nợ cho khoản vay trước mà chị Trần Thụy Thanh T còn nợ lại chị Nguyễn La Hồng Đ, số tiền lãi này được tính từ khoảng thời gian từ ngày 05/09/2017 trở về trước, việc này được chị Nguyễn La Hồng Đ và chị Trần Thụy Thanh T xác nhận tại biên nhận lập cùng ngày 05/09/2017. Sau khi trừ đi phần tiền lãi còn nợ cho khoản nợ trước thì chị Trần Thụy Thanh T mới chỉ trả được cho chị Đ 34.100.000 đồng trong tổng số tiền mượn 420.000.000 đồng nên còn nợ lại 385.900.000 đồng.

Đến nay, mặc dù chị Nguyễn La Hồng Đ đã nhiều lần yêu cầu chị Trần Thụy Thanh T trả số nợ trên nhưng chị Trần Thụy Thanh T vẫn không chịu trả số tiền còn nợ lại nên chị Nguyễn La Hồng Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Trần Thụy Thanh T trả cho chị Nguyễn La Hồng Đ số tiền còn nợ là 385.900.000 đồng, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn chị Trần Thụy Thanh T trình bày:*

Vào ngày 05/9/2017, chị có mượn của chị Nguyễn La Hồng Đ số tiền 420.000.000 đồng và có viết biên nhận. Sau khi viết biên nhận chị đã thực hiện trả tiền cho chị Đ từng tháng tính từ ngày 29/9/2017 (âm lịch) đến ngày 29/01/2021 (âm lịch) được 21 lần với tổng số tiền 182.000.000 đồng. Số tiền còn lại 238.000.000 đồng chị đã trả cho chị Đ một lần vào khoảng tháng 3/2021 tại nhà của chị, lúc này chỉ có mặt chị và chị Đ. Chị có yêu cầu chị Đ xé biên nhận nợ bỏ đi, thì chị Đ trả lời ở chỗ thân thiết mà lo gì, chị Đ không có mang theo về nhà sẽ xé bỏ. Do tin tưởng nên chị không yêu cầu chị Đ viết biên nhận nhận tiền.

Do đã trả đủ tiền nên chị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Đối với biên nhận lập cùng ngày 05/9/2017 thể hiện chị có thiếu chị Đ số tiền lãi

147.900.000 đồng, biên nhận này chị có viết và có ký tên nhưng không có trong đơn khởi kiện, ngoài nội dung hòa giải nên không có căn cứ.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 07/2022/QĐ-SCBSBA ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn La Hồng Đ.

- Buộc chị Trần Thụy Thanh T phải trả cho chị Nguyễn La Hồng Đ số tiền 385.900.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 31/5/2022, bị đơn chị Trần Thụy Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn xin vắng mặt nhưng có văn bản ghi ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nhận thấy nguyên đơn không khởi kiện yêu cầu trả số tiền lãi vay 147.900.000 đồng nhưng bản án sơ thẩm xét xử buộc chị Trần Thụy Thanh T phải trả cho chị Nguyễn La Hồng Đ số tiền 385.900.000 đồng, trong đó có phần lãi vay 147.900.000 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, buộc chị Trần Thụy Thanh T trả cho chị Nguyễn La Hồng Đ số tiền 238.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ kết quả xét xử phúc thẩm quyết định phần án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thụy Thanh T nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Chị Trần Thụy Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Trần Thụy Thanh T không đồng ý trả số tiền vay còn nợ 385.900.000 đồng:

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trần Thụy Thanh T có viết cho chị Nguyễn La Hồng Đ 02 biên nhận lập cùng ngày 05/09/2017, một biên nhận thiếu chị Đ số tiền lãi là 147.900.000 đồng và một biên nhận mượn chị Đ số tiền 420.000.000 đồng. Phía chị Đ trình bày sau khi viết biên nhận mượn 420.000.000 đồng, chị T có trả cho chị Đ 182.000.000 đồng, nhưng trong tổng số tiền 182.000.000 đồng chị T trả cho chị Đ thì trong đó có: 147.900.000 đồng chị T trả cho khoản nợ lãi theo biên nhận nợ số tiền lãi 147.900.000 đồng, số tiền còn lại 34.100.000 đồng cần trừ vào biên nhận mượn 420.000.000 đồng nên chị T còn nợ lại chị Đ 385.900.000 đồng và căn cứ vào biên nhận chị T có mượn chị Đ 420.000.000 đồng để khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền còn nợ lại là 385.900.000 đồng. Còn chị T cho rằng đã trả đủ cho chị Đ số tiền mượn 420.000.000 đồng, trả từ ngày 29/9/2017 (âm lịch) đến ngày 29/01/2021 (âm lịch) được 21 lần với tổng số tiền 182.000.000 đồng, số tiền còn lại 238.000.000 đồng chị T đã trả cho chị Đ một lần vào khoảng tháng 3/2021 tại nhà của chị T. Chị T có yêu cầu chị Đ xé biên nhận nợ bỏ đi, thì chị Đ trả lời ở chỗ thân thiết mà lo gì, chị Đ không có mang theo về nhà sẽ xé bỏ. Do tin tưởng nên chị T không yêu cầu chị Đ viết biên nhận. Đối với biên nhận nợ tiền lãi 147.900.000 đồng chị có viết cho chị Nguyễn La Hồng Đ biên nhận này và có ký tên.

Xét, lời trình bày của chị Trần Thụy Thanh T cho rằng chị đã trả cho chị Nguyễn La Hồng Đ được 21 lần tiền có biên nhận với số tiền 182.000.000 đồng là trả cho biên nhận 420.000.000 đồng chứ không phải trả cho biên nhận nợ tiền lãi 147.900.000 đồng, lời trình bày trên của chị T là có căn cứ, bởi lẽ:

Nội dung 21 biên nhận chỉ thể hiện việc chị T có trả tiền cho chị Đ, chữ viết trong 21 biên nhận là của chị Đ, việc trả tiền chỉ ghi là “ngày....có trả số tiền....” là thực hiện đúng theo cam kết trong giấy biên nhận nợ 420.000.000 đồng có bao nhiêu trả bấy nhiêu vào nợ gốc trong thời gian xe hoạt động, không ghi là trả nợ cho phần lãi thiếu 147.900.000 đồng. Phía chị Đ cho rằng ý chí khi chị Đ nhận tiền do chị T trả là nhận cho khoản nợ lãi 147.900.000 đồng mà chị T nợ trước, còn dư bao nhiêu mới trả cho khoản nợ vay 420.000.000 đồng là không có căn cứ. Tại đơn khởi kiện ngày 01/7/2021 chị Đ cũng chỉ kiện số tiền theo biên nhận nợ

là 420.000.000 đồng và yêu cầu trả đủ số tiền trên, hoàn toàn không đề cập gì đến số tiền đã nhận 182.000.000 đồng.

Án sơ thẩm tự cộng lại 02 biên nhận thì chị T thiếu chị Đ tổng số tiền là 567.900.000 đồng, trừ đi số tiền chị T với chị Đ thống nhất 182.000.000 đồng thì chị T vẫn còn thiếu chị Đ 385.900.000 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với biên nhận nợ lãi 147.900.000 đồng, chị Đ phải khởi kiện bằng một vụ kiện khác để xem xét nợ lãi trên số tiền vốn bao nhiêu và mức lãi vay có phù hợp với quy định pháp luật hay không.

Như vậy số tiền chị Đ phải trả cho chị T là 420.000.000 đồng trừ đi số tiền đã nhận 182.000.000 đồng chị Đ còn thiếu chị T là 238.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo phần này của chị T.

Đối với kháng cáo cho rằng đã trả số tiền còn lại cho chị Đ xong nhưng chị không có chứng cứ chứng minh, không được chị Đ thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thụy Thanh T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn La Hồng Đ.

Buộc chị Trần Thụy Thanh T phải trả cho chị Nguyễn La Hồng Đ số tiền 238.000.000 (hai trăm ba mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chi Trần Thụy Thanh T phải chịu 11.900.000 (mười một triệu chín trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002551 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp 11.600.000 (mười một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Chi Nguyễn La Hồng Đ phải chịu 7.395.000 (bảy triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.400.000 đồng theo biên lai thu số 0002198 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang nên chi Đ được hoàn trả lại 3.005.000 (ba triệu không trăm linh năm nghìn) đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong